TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **119**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-8-2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:1. Ông Nguyễn Lương Khoa

2. Bà Linh Thị Ngọc Thạch

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Phương Dung- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2023/ ngày 28 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị Ngọc M, sinh năm: 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Nơi ở hiện nay: ấp E, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Lê Quốc S, sinh năm: 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Nơi ở hiện nay: ấp E, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trương Thị Ngọc M trình bày*: Chị và anh Lê Quốc S tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng sống không hợp nhau, tính tình không hợp, vợ chồng hay cãi nhau, sống thiếu tôn trọng nhau, quá trình sống không còn chia sẻ, cảm thông cho nhau như những cặp

vợ chồng khác, anh S không lo làm ăn, không phụ chị để nuôi các con. Chị M nhiều lần khuyên giải nhưng anh S không thay đổi dẫn đến vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 7/2021 đến nay. Từ đó vợ chồng không quan tâm đến nhau, không chăm sóc nhau, cuộc sống ai người đó lo. Nay chị không còn tình cảm gì với anh S nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về con chung: anh chị có 03 con chung là Lê Quốc N, sinh ngày: 20/02/2005; Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày: 14/11/2009 và Lê Quốc Thiên Â, sinh ngày: 19/5/2021. Do con chung là Lê Quốc N bị khuyết tật bẩm sinh nên khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi các con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Trương Thị Ngọc M trình bày không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị Trương Thị Ngọc M trình bày không có nợ chung.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Quốc S được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án nhưng anh Lê Quốc S vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án không thu thập được ý kiến của anh Lê Quốc S đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Ngọc M.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp uật Tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho Trương Thị Ngọc M được ly hôn với anh Lê Quốc S.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao các con chung là Lê Quốc N, sinh ngày: 20/02/2005; Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày: 14/11/2009 và Lê Quốc Thiên Â, sinh ngày: 19/5/2021 cho chị M nuôi dưỡng, chị M tạm thời không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Chị Trương Thị Ngọc M trình bày không giải quyết; Về nợ chung: không có. Anh Lê Quốc S không có lời khai đối với tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan pháp luật và thẩm quyền của Tòa án: Chị Trương Thị Ngọc M khởi kiện anh Lê Quốc S về việc Ly hôn và yêu cầu nuôi con chung. Do đó, quan hệ pháp luật là YPERLINK "4" \o "“Ly"“Ly *hôn tranh chấp nuôi con”* được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Lê Quốc S có nơi cư trú tại ấp E, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị Trương Thị Ngọc M khởi kiện anh Lê Quốc S, nên xác định chị M là nguyên đơn, anh S là bị đơn theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Chị Trương Thị Ngọc M có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; anh Lê Quốc S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Trương Thị Ngọc M theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt anh Lê Quốc S theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Ngọc M và anh Lê Quốc S tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn, nhận thấy: Theo chị Trương Thị Ngọc M trình bày cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng sống không hợp nhau, tính tình không hợp, vợ chồng hay cãi nhau, sống thiếu tôn trọng nhau, quá trình sống không còn chia sẻ, cảm thông cho nhau như những cặp vợ chồng khác, anh S không lo làm ăn, không phụ chị để nuôi các con. Chị M nhiều lần khuyên giải nhưng anh S không thay đổi dẫn đến vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 7/2021 đến nay. Từ đó vợ chồng không quan tâm đến nhau, không chăm sóc nhau, cuộc sống ai người đó lo. Nay chị không còn tình cảm gì với anh S nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh S.

Mặc dù anh Lê Quốc S vắng mặt không có lời khai, nhưng qua xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập anh S nhiều lần để hòa giải nhưng anh S vẫn vắng mặt không có lý do. Qua đó, cho thấy anh S bỏ mặc, thờ ơ trong quan hệ hôn nhân với chị M. Theo biên bản xác minh tại nơi anh Lê Quốc S sinh sống thể hiện: anh S đang cư trú và sinh sống tại địa phương; về tình trạng hôn nhân thì quá trình sinh sống tại địa phương. Về quan hệ hôn nhân của vợ chồng anh S, chị M thì chính quyền địa phương không biết vì khi xảy ra mâu thuẫn không có không báo để tiến hành hòa giải (bút lục số 30). Nhưng hiện nay anh S và chị M hiện không còn chung sống với nhau từ tháng 7/2021 đến nay, từ đó không còn quan tâm đến nhau, không chăm sóc nhau. Như vậy, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của anh S, chị M mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy chấp nhận cho chị M được ly hôn với anh S là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Anh chị có 03 con chung là là Lê Quốc N, sinh ngày: 20/02/2005; Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày: 14/11/2009 và Lê Quốc Thiên Â, sinh ngày: 19/5/2021. Chị M yêu cầu được nuôi các con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, con chung Lê Quốc N bị khuyết tật bẩm sinh hiện đang được trợ cấp hàng tháng của nhà nước, không có khả năng lao động; cháu Lê Ngọc Bảo T có nguyện vọng muốn ở với mẹ, cháu Lê Quốc Thiên Â còn nhỏ, rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ và hiện nay các con chung đang do chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 7/2021 đến nay, anh S không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con chung của chị M nên

tiếp tục giao con chung là Lê Quốc N, Lê Ngọc Bảo T và Lê Quốc Thiên Â trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trương Thị Ngọc M tạm thời không yêu cầu anh Lê Quốc S cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Chị Trương Thị Ngọc M trình bày không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ chung: Chị Trương Thị Ngọc M trình bày không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Chị Trương Thị Ngọc M phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí trước đây chị M đã nộp thành tiền án phí.

[10] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban ư ờ ng"Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – chị Trương Thị Ngọc M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Ngọc M được ly hôn với anh Lê Quốc S.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và Giấy chứng nhận kết hôn số 218, quyển số 01/2009, ngày 02/11/2009 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai cấp không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

+ Giao con chung là Lê Quốc N, sinh ngày: 20/02/2005 cho chị Trương Thị Ngọc M trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Giao con chung là Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày: 14/11/2009 và Lê Quốc Thiên Â, sinh ngày: 19/5/2021 cho chị Trương Thị Ngọc M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: tạm thời chị Trương Thị Ngọc M không yêu cầu anh Lê Quốc S cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

Anh Lê Quốc S được quyền thăm nom con chung nhưng không gây ảnh

hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Trương Thị Ngọc M. Khi cần thiết, chị Trương Thị Ngọc M và anh Lê Quốc S được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về nợ chung: Không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trương Thị Ngọc M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007507 ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc. Chị Trương Thị Ngọc M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Trương Thị Ngọc M, anh Lê Quốc S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND cấp xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Hải